

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **285/QĐ-BNV**

Hà Nội, ngày **30** tháng **3** năm **2012**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Người cao tuổi Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Người cao tuổi Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Hội thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2011.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Uot*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCPCP.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



*Nguyễn Tiến Đình*  
**Nguyễn Tiến Đình**

# CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) HỘI NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM

*Quyết định số 285/QĐ-BNV ngày 30 tháng 3 năm 2012  
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Người cao tuổi Việt Nam là công dân Việt Nam, không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tôn giáo, sống ở trong và ngoài nước có công sinh thành, nuôi dạy con cháu, xây dựng gia đình, dòng họ, quê hương, đất nước, giáo dục thế hệ trẻ về nhân cách, lòng yêu nước, giữ gìn gia phong, kỷ cương phép nước. Người cao tuổi Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, giành độc lập, thống nhất đất nước; nay đang tiếp tục đem trí tuệ, kinh nghiệm, nghề nghiệp, tài năng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội Người cao tuổi Việt Nam là tổ chức xã hội của lớp người cao tuổi, phát huy truyền thống Diên Hồng, kế thừa Hội Phụ lão cứu quốc do Hồ Chủ tịch khởi xướng thành lập; đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi Việt Nam; tích cực hoạt động góp phần cùng với Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi, phục vụ sự nghiệp đổi mới, ổn định, bảo vệ, phát triển bền vững đất nước.

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Người cao tuổi Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh : Vietnam Association of the Elderly (viết tắt là: VAE ).

##### Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Người cao tuổi Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) tập hợp, đoàn kết rộng rãi người cao tuổi Việt Nam vào tổ chức Hội, nhằm tạo điều kiện cho người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội, góp phần tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

##### Điều 3. Tính chất Hội và phạm vi hoạt động

Hội Người cao tuổi Việt Nam là Hội có tính chất đặc thù, hoạt động trong phạm vi

cả nước.

#### **Điều 4. Tư cách pháp nhân**

1. Hội có con dấu, tài khoản, biểu tượng, cơ quan ngôn luận.
2. Trụ sở của Hội đặt tại Hà Nội. Hội có thể đặt Văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Ngày truyền thống, Ngày Người cao tuổi**

Ngày 06 tháng 6 hằng năm là Ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam, đồng thời là Ngày Người cao tuổi Việt Nam.

### **Chương II**

#### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI**

##### **Điều 6. Nhiệm vụ**

1. Tập hợp, đoàn kết, động viên người cao tuổi tham gia sinh hoạt Hội Người cao tuổi, góp phần thực hiện các chương trình kinh tế - văn hoá - xã hội; giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
2. Làm nòng cốt trong phong trào toàn dân chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi.
3. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi theo quy định của pháp luật.
4. Nghiên cứu nhu cầu, nguyện vọng của người cao tuổi để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Đại diện cho người cao tuổi Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế, các hoạt động đối ngoại nhân dân vì lợi ích của Tổ quốc và của người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 7. Quyền hạn**

1. Tham gia với Đảng, Nhà nước về việc xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến người cao tuổi và thi hành Luật Người cao tuổi theo quy định của pháp luật.
2. Tham gia thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
3. Tư vấn, giám sát, phản biện và giám định xã hội các chính sách, chương trình, đề tài, dự án do cơ quan nhà nước yêu cầu về các vấn đề thuộc lĩnh vực người cao tuổi và hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật.

##### **Điều 8. Nghĩa vụ**

1. Tập hợp, nghiên cứu ý kiến, kiến nghị của các tổ chức Hội, hội viên tham gia vào các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước theo quy định của pháp luật.

2. Tập hợp các chuyên gia đầu ngành, các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao, thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội những vấn đề liên quan đến người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến người cao tuổi và hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

### **HỘI VIÊN**

#### **Điều 9. Hội viên**

1. Công dân Việt Nam từ đủ 60 (sáu mươi) tuổi trở lên, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được chi hội hoặc Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cơ sở (nơi chưa có chi hội) đồng ý thì được công nhận là hội viên, được cấp thẻ hội viên.

Đối với người từ đủ 55 (năm mươi lăm) tuổi đến dưới 60 (sáu mươi) tuổi, tự nguyện tham gia Hội hoặc được cử làm công tác Hội, cũng được công nhận là hội viên.

2. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể về công nhận, xóa tên hội viên phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Nhiệm vụ**

1. Chấp hành Điều lệ Hội, các nghị quyết của Hội, tham gia sinh hoạt, hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Hội.

2. Tuyên truyền, giáo dục trong gia đình và xã hội về lòng yêu nước, đạo lý và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Truyền thụ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tri thức của bản thân cho thế hệ trẻ.

3. Gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân cùng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, các quy chế, quy ước của địa phương.

4. Đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Hội.

#### **Điều 11. Quyền của hội viên**

1. Được Hội hướng dẫn, tạo điều kiện để hưởng mọi quyền lợi theo quy định của Luật Người cao tuổi và các văn bản quy phạm pháp luật khác về chế độ, chính sách đối với người cao tuổi.

2. Thực hiện quyền dân chủ, bình đẳng trong sinh hoạt, hoạt động xây dựng Hội, trong việc phê bình, chất vấn, giám sát các cơ quan lãnh đạo hoặc cá nhân lãnh đạo của Hội về những vấn đề liên quan đến người cao tuổi và Hội Người cao tuổi.

3. Thảo luận và biểu quyết các chủ trương công tác của Hội, ứng cử, đề cử và bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Hội theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Được Hội tạo điều kiện để chăm sóc và phát huy khả năng của mình; được bảo vệ khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; được giúp đỡ khi gặp khó khăn,

hoạn nạn; được thăm hỏi khi ốm đau; được chúc thọ, mừng thọ khi đến tuổi quy định; được phúng viếng, tiễn đưa khi qua đời.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC CỦA HỘI**

#### **Điều 12. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

1. Hội tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội, tuân thủ pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước quản lý.

2. Hội Người cao tuổi Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương để thực hiện chức năng, nhiệm vụ Hội theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật.

3. Hội tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, quyết định theo đa số. Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ xem xét, quyết định hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

#### **Điều 13. Tổ chức Hội**

1. Hội Người cao tuổi Việt Nam.

2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh.

3. Ở quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) có Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện.

4. Ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cơ sở) có Hội Người cao tuổi cơ sở. Trực thuộc Hội Người cao tuổi cơ sở có chi hội, tổ hội. Việc thành lập Hội Người cao tuổi cơ sở theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Phối hợp các tổ chức quần chúng**

Những tổ chức quần chúng có nhiều người cao tuổi hoạt động theo chuyên đề về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật và các lĩnh vực khác, được Hội thoả thuận mời đại diện tham gia cơ cấu bầu vào Ban Chấp hành cùng cấp.

#### **Điều 15. Tổ chức Hội cơ sở**

1. Tổ chức Hội cơ sở là nền tảng của Hội. Hội cơ sở có con dấu, tài khoản, trụ sở theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên là cơ quan lãnh đạo của tổ chức Hội cơ sở, nhiệm kỳ 5 (năm) năm, do Ban Chấp hành Hội cơ sở triệu tập. Trường hợp đặc biệt có thể Đại hội sớm hơn hoặc muộn hơn thời gian quy định, nhưng không quá 6 (sáu) tháng.

Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành;

- b) Thảo luận các vấn đề do cấp trên yêu cầu;
- c) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch công tác nhiệm kỳ tới;
- d) Thông qua báo cáo tài chính;
- đ) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;
- e) Hiệp thương cử đại biểu đi dự Đại hội Hội Người cao tuổi Việt Nam (nếu có).

### **Điều 16. Ban Chấp hành Hội cơ sở**

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 (hai) kỳ Đại hội, do Đại hội bầu ra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Trong quá trình hoạt động, nếu có yêu cầu thì Ban Chấp hành bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Kiểm tra nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội bầu. Ban Chấp hành họp thường kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần, khi cần có thể họp bất thường. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số các ủy viên Ban Thường vụ; bầu Trưởng ban Kiểm tra trong số ủy viên Ban Kiểm tra.

2. Số ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ họp thường kỳ 1 (một) tháng 1 (một) lần, khi cần có thể họp bất thường.

3. Ban Chấp hành có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn các chi hội thực hiện Luật Người cao tuổi, Điều lệ Hội, nghị quyết, quyết định của Hội và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có liên quan đến người cao tuổi;

b) Định kỳ chủ động báo cáo với Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện, với cấp ủy Đảng, chính quyền; tranh thủ sự giúp đỡ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở để xây dựng chương trình công tác và phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

c) Giám sát việc thực hiện các chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về chăm sóc và phát huy người cao tuổi; tham gia ý kiến với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương đối với việc có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh;

d) Sơ kết, tổng kết công tác Hội, chuẩn bị và triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ;

đ) Tổ chức thi đua và khen thưởng.

### **Điều 17. Chi hội**

1. Chi hội được tổ chức theo thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc, khu dân cư, tổ dân phố. Những chi hội có đồng hội viên có thể tổ chức ra các tổ hội. Chi hội có Chi hội trưởng, Chi hội phó, do hội viên bầu ra; tổ hội có Tổ trưởng, Tổ phó do hội viên bầu ra.

Chi hội, tổ hội sinh hoạt ít nhất 3 (ba) tháng 1 (một) lần.

2. Nhiệm vụ chủ yếu của chi hội, tổ hội là:

a) Tổ chức thực hiện việc chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi và các nghị quyết, chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Hội cơ sở;

b) Phổ biến và tổ chức thực hiện Điều lệ Hội và nghị quyết, quyết định của Hội; quản lý hội viên, thu và quản lý sử dụng quỹ Hội; tuyên truyền, phát triển hội viên mới;

c) Tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh;

d) Thường xuyên báo cáo với Hội cơ sở về tổ chức và hoạt động của đơn vị mình.

### **Điều 18. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện**

1. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập (khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền) sau khi được sự đồng ý của Thường trực Huyện ủy. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, có cán bộ chuyên trách; có con dấu, trụ sở; được Nhà nước cấp kinh phí, có tài khoản riêng.

2. Ban Đại diện có nhiệm vụ làm tham mưu và nhận sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện về công tác Hội người cao tuổi; tiếp thu, thực hiện chủ trương công tác của Hội Người cao tuổi Việt Nam và Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc hoạt động Hội Người cao tuổi cơ sở; sơ kết, tổng kết, báo cáo thường kỳ với cấp ủy đảng, chính quyền cùng cấp và Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh; hướng dẫn và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

### **Điều 19. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh**

1. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập sau khi được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy. Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, có cán bộ chuyên trách, có con dấu, trụ sở và được Nhà nước cấp kinh phí, có tài khoản riêng.

2. Ban Đại diện có nhiệm vụ làm tham mưu và nhận sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác Hội Người cao tuổi; tiếp thu, vận dụng thực hiện chủ trương công tác của Hội Người cao tuổi Việt Nam cho phù hợp với điều kiện cụ thể địa phương và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Ban Đại diện Hội Người cao tuổi cấp huyện, cơ sở Hội; sơ kết, tổng kết công tác, báo cáo định kỳ với cấp ủy đảng, chính quyền cấp tỉnh và Hội Người cao tuổi Việt Nam; hướng dẫn và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

## **Điều 20. Đại hội đại biểu toàn quốc**

Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, nhiệm kỳ 5 (năm) năm, do Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi Việt Nam triệu tập; trường hợp đặc biệt khi được 2/3 (hai phần ba) số cơ sở Hội đề nghị có thể Đại hội sớm hoặc muộn hơn thời gian quy định, nhưng không quá 1 năm. Đại hội có nhiệm vụ:

1. Thảo luận, thông qua báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội;
2. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới;
3. Sửa đổi Điều lệ Hội (nếu có);
4. Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;
5. Thông qua các vấn đề khác.

## **Điều 21. Ban Chấp hành**

Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi Việt Nam do Đại hội hiệp thương dân chủ bầu ra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Ủy viên Ban Chấp hành thôi tham gia công tác Hội hoặc không còn đủ sức khỏe để tham gia công tác Hội thì đương nhiên rút khỏi Ban Chấp hành. Ban Thường vụ làm các thủ tục cần thiết và báo cáo Ban Chấp hành trong kỳ họp gần nhất.

## **Điều 22. Nhiệm vụ Ban Chấp hành**

Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội, có nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, các chủ trương công tác quan trọng của Hội và Luật Người cao tuổi;
2. Chỉ đạo phong trào thi đua yêu nước “Tuổi cao - gương sáng,” hiến kế, hiến công vì quê hương đất nước;
3. Bầu Ban Thường vụ với số lượng ủy viên do Ban Chấp hành quyết định; bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch trong số các ủy viên Thường vụ; bầu Trưởng ban Ban Kiểm tra trong số ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Kiểm tra khi có yêu cầu; nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên do Đại hội bầu;
4. Ban Chấp hành họp thường kỳ 1 (một) năm 1 (một) lần và có thể họp bất thường khi cần thiết.

## **Điều 23. Ban Thường vụ**

Ban Thường vụ thay mặt Ban Chấp hành giữa hai kỳ họp, có nhiệm vụ:

1. Chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành;
2. Quyết định thành lập, nhân sự, phê duyệt quy chế làm việc và chỉ đạo hoạt động của văn phòng Hội, các ban chuyên môn và tổ chức trực thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật;



3. Chuẩn bị và triệu tập các hội nghị của Ban Chấp hành;
4. Ban Thường vụ họp thường kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần và họp bất thường khi cần.

#### **Điều 24. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội**

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội là bộ phận thường trực, thay mặt Ban Thường vụ điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp theo nghị quyết của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành. Thường trực Hội làm việc tập thể. Chủ tịch là người đại diện cho Hội trước pháp luật. Các Phó Chủ tịch Hội được Thường trực phân công những công tác cụ thể, trong đó Phó Chủ tịch Thường trực điều hành công việc hàng ngày.

### **Chương V**

#### **CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA HỘI**

##### **Điều 25. Ban Kiểm tra**

1. Ban Kiểm tra do Đại hội cùng cấp bầu. Số lượng ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định (trong đó có ủy viên Ban Chấp hành). Ban Kiểm tra bầu Phó trưởng ban.

2. Ban Kiểm tra chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ cùng cấp. Ban Kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể.

##### **Điều 26. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra**

1. Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ và các Nghị quyết của Hội.
2. Kiểm tra hội viên, ủy viên Ban Chấp hành Hội cùng cấp và tổ chức Hội khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Hội, tài chính, tài sản Hội.
3. Giám sát Ủy viên Ban Chấp hành và tổ chức Hội về thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội cùng cấp.
4. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm, đề nghị Ban Thường vụ quyết định hình thức xử lý.
5. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội viên và tổ chức Hội; kiến nghị với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các cơ quan chức năng xem xét, kết luận, giải quyết theo thẩm quyền.
6. Hướng dẫn hoạt động kiểm tra của Hội cơ sở. Ban Kiểm tra được quyền yêu cầu tổ chức, cán bộ Hội và hội viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

### **Chương VI**

#### **TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI**

##### **Điều 27. Tài chính**

Tài chính của Hội, gồm:

1. Kinh phí do Nhà nước cấp;
2. Hội phí;
3. Tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
4. Kết quả thực hiện các hoạt động gây quỹ hợp pháp của các tổ chức Hội.

#### **Điều 28. Các khoản chi**

1. Chi phí cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, hành chính thường xuyên và khen thưởng.
2. Chi trả lương, phụ cấp và các chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật cho cán bộ, nhân viên.
3. Chi mua sắm tài sản, tu bổ trụ sở của Hội.
4. Chi tổ chức hội nghị, cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, Đại hội.
5. Chi thăm hỏi hội viên ốm đau, hoạn nạn, phúng viếng khi qua đời.
6. Các chi phí hợp pháp khác.

#### **Điều 29. Quỹ Hội**

Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò Người cao tuổi các cấp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 30. Tài sản**

Tài sản của Hội gồm:

1. Trụ sở, phương tiện, thiết bị làm việc;
2. Tài sản hợp pháp khác.

#### **Điều 31. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản**

1. Tài chính, tài sản của Hội được quản lý và sử dụng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật. Văn phòng Hội có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ thực hiện việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và lưu giữ hồ sơ, sổ sách của Hội tại trụ sở Hội.

2. Ban Thường vụ quy định cụ thể về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG VII**

#### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 32. Khen thưởng**

1. Tổ chức, hội viên, cán bộ Hội có thành tích được Hội biểu dương, khen thưởng: tặng giấy khen, bằng khen, cờ thi đua, kỷ niệm chương và các danh hiệu thi đua khác của Hội.

2. Tổ chức, hội viên, cán bộ Hội có thành tích xuất sắc được tổ chức Hội đề nghị các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ngành liên quan khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Ban Thường vụ quy định cụ thể về khen thưởng của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

### **Điều 33. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, hội viên, cán bộ Hội có hành vi trái với Điều lệ Hội và các nghị quyết của Hội, làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Hội và của lớp người cao tuổi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà góp ý, phê bình; với cá nhân khi cần thiết xoá tên trong tổ chức Hội. Việc xử lý vi phạm phải được quá nửa tổng số hội viên của chi hội đề nghị, cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Ban Thường vụ quy định cụ thể về xử lý vi phạm của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

## **Chương VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Người cao tuổi Việt Nam có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 1/2 (một phần hai) số đại biểu có mặt tại Đại hội tán thành và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 35. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ Hội Người cao tuổi Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 35 (ba mươi lăm) Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Hội Người cao tuổi Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2011 và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Điều lệ này. / *Chết*